7 Địa lí ngành công nghiệp Việt Nam

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày và nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ và nêu một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.

- Hiểu và trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta.

- Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

- Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta.

- Nhận xét được cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế.

- Nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo vùng.

- Giải thích được nguyên nhân phân hóa giá trị sản xuất công nghiệp tại một số vùng.

- Tích hợp môi trường.

- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

2. Năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Ổn định:

Tiết

Ngày dạy

Lớp

Sĩ số

Ghi chú

3.2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra.

3.3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục đích: HS biết và nhận diện được một số sản phẩm nổi bật của công nghiệp Việt Nam hiện nay.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu hình ảnh logo của một số nhà sản xuất, yêu cầu HS kể tên các sản phẩm được cung cấp bởi nhà sản xuất đó?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về cơ cấu công nghiệp theo ngành

a) Mục đích: HS hiểu được khái niệm và sự thay đổi cơ cấu công nghiệp theo ngành.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Cơ cấu ngành công nghiệp

1. Cơ cấu công nghiệp theo ngành

\* Khái niệm: Được thể hiện ở tỷ trọng giá trị sản xuất của từng ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp

\* Đặc điểm:

- Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng và đầy đủ ở các ngành công nghiệp thuộc 3 nhóm chính:

+ Công nghiệp khai thác

+ Công nghiệp chế biến

+ Công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước

- Trong cơ cấu ngành công nghiệp nổi lên một số ngành công nghiệp trọng điểm là công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, công nghiệp dệt may…

- Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta đang có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm thích nghi với tình hình mới

\* Các hướng hoàn thiện:

- Xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam, thích ứng với nền kinh tế thế giới

- Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn và các ngành công nghiệp trọng điểm

- Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, công nghệ.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc nội dung SGK, kết hợp với số liệu, bản đồ trong Atlat Địa lí Việt Nam trả lời câu hỏi theo cặp:

+ Câu hỏi 1: Dựa vào SGK nêu khái niệm cơ cấu công nghiệp theo ngành

+ Câu hỏi 2: Quan sát biểu đồ sau hãy đọc cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta năm 2010?

+ Câu hỏi 3: Nêu khái niệm ngành công nghiệp trọng điểm? Kể tên một số ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta? Các hướng hoàn thiện?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 10 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ và cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế

a) Mục đích:

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ

- Hoạt động công nghiệp có sự phân hóa giữa các vùng:

+ Tập trung chủ yếu ở một số khu vực: Đồng bằng Sông Hồng và vùng phụ cận

Đông Nam Bộ

+ Mức độ trung bình: Duyên hải Miền Trung

+ Thưa thớt: Vùng núi, vùng sâu, vùng xa công nghiệp còn chậm phát triển, phân bố phân tán rời rạc

- Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp chịu tác động của nhiều nhân tố nh vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội (dân cư - nguồn lao động, cơ sở vật chất kĩ thuật, nguồn vốn…)

- Những vùng có tỷ trọng công nghiệp lớn: Đông Nam Bộ (chiếm khoảng 50%), Đồng bằng Sông Hồng, Đồng bằng Sông Cửu Long chiếm hơn 80% của cả nước

3. Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế

Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế có những thay đổi sâu sắc:

- Các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động công nghiệp ngày càng được mở rộng

- Xu hướng chung: Giảm tỉ trọng khu vực Nhà nước, tăng tỉ trọng khu vực ngoài Nhà nước đặc biệt là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ. Kể tên các trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn và lớn ở nước ta?

+ Nhóm 2, 4: Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế. Sắp xếp và liệt kê thứ tự các vùng theo tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp từ lớn đến nhỏ năm 2005.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về công nghiệp năng lượng

a) Mục đích: HS biết về điều kiện và hiện trạng phát triển ngành công nghiệp năng lượng.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm

1. Công nghiệp năng lượng

a. Công nghiệp khai thác nguyên, nhiên liệu

- Công nghiệp khai thác than:

Loại than

Trữ lượng

Phân bố

Tình hình khai thác và sản xuất

Antraxit

Vài tỷ tấn

Vùng Đông Bắc đặc biệt là Quảng Ninh

- Được khai thác từ lâu

- Sau khi đất nước thống nhất sản lượng khai thác trung bình đạt 5 - 6 triệu tấn/năm

- Giai đoạn hiện nay sản lượng khai thác tăng lên rất nhanh. Năm 2005 đạt 34 triệu tấn.

Nâu

Hàng chục tỷ tấn

Đồng bằng Sông Hồng

Bùn

Lớn

Đồng bằng Sông Cửu Long

Mỡ

Nhỏ

Thái Nguyên

- Công nghiệp khai thác dầu khí:

Trữ lượng

Phân bố

Tình hình khai thác và sản xuất

- Vài tỷ tấn dầu mỏ

- Hàng trăm tỷ m3 khí

Bể trầm tích Cửu Long (trữ lượng khá lớn, có một số mỏ được khai thác như Bạch Hổ, Rồng…), Nam Côn Sơn (trữ lượng lớn nhất, mỏ Đại Hùng…), Sông Hồng, Trung Bộ, Thổ Chu - Mã Lai

- Hình thành từ năm 1986 từ đó đến nay sản lượng khai thác liên tục tăng. Năm 2005 đạt 18, 5 triệu tấn

- Năm 1995 khí đồng hành được đưa vào đất liền để sản xuất điện, đạm

- Ngành công nghiệp lọc - hoá dầu Dung Quất chuẩn bị ra đời

b. Công nghiệp điện lực

\* Tình hình phát triển:

+ Lịch sử phát triển: Hơn 1 thế kỷ

+ Sản lượng điện tăng nhanh đạt 52, 1 tỷ Kwh năm 2005

+ Hệ thống đường dây cao áp 500 KV đã khắc phục được sự mất cân đối về điện năng giữa các vùng

+ Cơ cấu điện có sự thay đổi: Từ 1991 - 1996 thuỷ điện chiếm hơn 70% đến 2005 nhiệt điện chiếm khoảng 70%

+ Tiềm năng: Sản xuất điện chủ yếu dựa vào các nguồn tài nguyên truyền thống (điện, than, nước)

\* Các nhà máy điện:

Tiềm năng

Các nhà máy

Địa điểm

Công suất (MW)

Thuỷ điện

- Rất lớn công suất khoảng 30 nghìn MW

- Tập trung chủ yếu ở hệ thống sông Hồng (37%) và hệ thống sông Đồng Nai (19%)

Hòa Bình

Sông Đà

1920

Thác Bà

Sông Chảy

110

Yaly

XêXan

720

Hàm Thuận - Đa Mi

La Ngà

300 - 175

Trị An

Đồng Nai

400

Sơn La

Sông Đà

2400

Nhiệt điện

- Than và dầu khí nhiều (than chủ yếu ở các nhà máy miền Bắc, dầu khí - miền Nam)

- Các nguồn năng lượng khác dồi dào nhưng chưa được khai thác

Phả Lại 1 và 2

(Than)

Hải Dương

440 - 600

Uông Bí (Than)

Quảng Ninh

150 - 300

Ninh Bình (Than)

Ninh Bình

100

Phú Mỹ 1, 2, 3, 4

(Khí)

BRVT

4164

Bà Rịa (Khí)

BRVT

411

Thủ Đức (Dầu)

Hồ Chí Minh

165

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp với số liệu, bản đồ trong Atlat Địa lí Việt Nam để hoàn thành các phiếu học tập:

+ Nhóm 1: PHIẾU SỐ 1

Tìm hiểu công nghiệp khai thác than

Loại than

Trữ lượng

Phân bố

Tình hình khai thác và sản xuất

Antraxit

Nâu

Bùn

Mỡ

+ Nhóm 2: PHIẾU SỐ 2

Tìm hiểu công nghiệp khai thác dầu khí

Trữ lượng

Phân bố

Tình hình khai thác và sản xuất

+ Nhóm 3: PHIẾU SỐ 3

Tìm hiểu công nghiệp điện lực

Tìm hiểu tình hình phát triển?

Hoàn thành bảng sau:

Tiềm năng

Các nhà máy

Địa điểm

Công suất (MW)

Thuỷ điện

Nhiệt điện

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 10 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

a) Mục đích: HS biết về điều kiện và hiện trạng phát triển ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm

- Cơ cấu ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm rất phong phú và đa dạng với 3 nhóm ngành chính và nhiều phân ngành khác

- Dựa vào nguồn nguyên liệu của ngành trồng trọt, chăn nuôi và đánh bắt, nuôi tròng thủy hải sản.

- Sản lượng tăng nhanh.

- Phân bố: mang tính chất qui luật. Nó phụ thuộc vào tính chất nguông nguyên liệu, thị trường tiêu thụ.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào bản đồ nông nghiệp, sơ đồ, bảng biểu trong SGK và kiến thức đã học trả lời câu hỏi:

+ Câu hỏi 1: Chứng minh cơ cấu ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm đa dạng?

+ Câu hỏi 2: Giải thích vì sao công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm là ngành công nghiệp trọng điểm?

+ Câu hỏi 3: Tại sao nói việc phân bố công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm mang tính qui luật?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về tổ chức lãnh thổ công nghiệp

a) Mục đích: HS hiểu về các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp

a. Khái niệm: Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là sự sắp xếp, phối hợp giữa các quá trình và cơ sở sản xuất công nghiệp trên 1 lãnh thổ nhất định để sử dụng hợp lí các nguồn lực sẵn có nhằm đạt hiệu quả cao về các mặt kinh tế + xã hội và môi trường.

b. Các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp

Hình thức tổ chức

Đặc điểm

Phân bố chủ yếu

Điểm CN

Chỉ bao gồm 1 hoặc 2 xí nghiệp đơn lẻ, không có mối quan hệ trong quá trình sản xuất

Nơi có điều kiện Sx CN khó khăn: Tây Bắc, Tây Nguyên.

Khu CN tập trung

+ Có ranh giới địa lí xác định.

+ Chuyên sản xuất công nghiệp và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất công nghiệp.

+ Không có dân cư sinh sống.

Đông Nam Bộ, ĐBSH, DHMT

Trung tâm CN

Là hình thức TCLTCN ở trình độ cao. Đó là khu vực tập trung CN gắn với các đô thị vừa và lớn.

ĐNB, ĐBSH

Vùng CN

Có diện tích rộng bao gồm nhiều tỉnh, thành phố nhưng ranh giới chỉ mang tính qui ước.

Cả nước có 06 vùng CN

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, kết hợp với số liệu, bản đồ trong Atlat Địa lí Việt Nam để hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Hình thức tổ chức

Đặc điểm

Phân bố chủ yếu

1. Điểm CN

2. Khu CN tập trung

3. Trung tâm CN

4. Vùng CN

+ Nhóm 1: Hoàn thành yêu cầu 1.

+ Nhóm 2: Hoàn thành yêu cầu 2.

+ Nhóm 3: Hoàn thành yêu cầu 3.

+ Nhóm 4: Hoàn thành yêu cầu 4.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.6. Vẽ biểu đồ cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế và nhận xét

a) Mục đích: Tìm hiểu về giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta và cách vẽ biểu đồ cơ cấu, tính toán, xử lý số liệu.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

1. Bài tập 1

a. Vẽ biểu đồ

+ Dạng biểu đồ: Tròn

+ Xử lý số liệu:

Thành phần

1996

2005

Nhà nước

49, 6

25, 1

Ngoài Nhà nước

23, 9

31, 2

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài

26, 5

43, 7

+ Tính bán kính: Coi R1996 = 1 đvbk = + R2005 = … đvbk

+ Vẽ biểu đồ: Dạng biểu đồ tròn.

b. Nhận xét:

- Nhận xét:

+ Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp, tỷ trọng của thành phần kinh tế Nhà nước còn lớn

+ Có sự chuyển dịch rõ rệt về cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của các thành phần kinh tế: Khu vực Nhà nước giảm tỷ trọng, tăng tỷ trọng của khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

+ Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, hoàn thành yêu cầu bài tập 1 vào vở ghi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV gọi đại diện HS trình bày kết quả của mình. HS khác nhận xét, góp ý.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Bài tập 2, 3

a) Mục đích: Tìm hiểu về giá trị sản xuất công nghiệp phân theo vùng kinh tế ở nước ta và giải thích tại sao Đông Nam Bộ có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Bài tập 2

- Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp không đều giữa các vùng do sự khác nhau về nguồn lực:

+ Các vùng có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn như Đông Nam Bộ, Đồng bằng Sông Hồng, Đồng bằng Sông Cửu Long

+ Các vùng có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp nhỏ như Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ

- Có sự thay đổi về tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp giữa các vùng:

+ Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp ngày càng tăng trong đó tăng mạnh nhất là Đông Nam Bộ

+ Các vùng khác tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp giảm trong đó giảm mạnh nhất là Đồng bằng Sông Cửu Long và Trung du miền núi phía Bắc

3. Bài tập 3

Đông Nam Bộ có tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp cao nhất cả nước vì:

\* Điều kiện tự nhiên:

- Có vị trí địa lý thuận lợi

- Tài nguyên thiên nhiên

\* Điều kiện kinh tế xã hội:

- Dân cư - nguồn lao động:

- Cơ sở vật chất kĩ thuật:

- Các nhân tố khác (vốn đầu tư, thị trường tiêu thụ, chính sách…)

- Lãnh thổ công nghiệp sớm phát triển có thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước. Vai trò cùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 2: Hoàn thành yêu cầu bài tập 2.

+ Nhóm 3, 4: Hoàn thành yêu cầu bài tập 3.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Biểu hiện rõ nhất của cơ cấu công nghiệp theo ngành được thể hiện ở

A. mối quan hệ giữa các ngành công nghiệp trong hệ thống.

B. tỉ trọng của từng ngành so với giá trị của toàn ngành.

C. sự phân chia các ngành công nghiệp trong hệ thống.

D. số lượng các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống.

Câu 2: Ngành công nghiệp nào dưới đây là ngành công nghiệp trọng điểm?

A. Đóng tàu, ô tô. B. Luyện kim.

C. Năng lượng. D. Khai thác, chế biến lâm sản.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây không đúng với ngành công nghiệp trọng điểm?

A. Có thế mạnh phát triển lâu dài.

B. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.

C. Thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

D. Sử dụng nhiều loại tài nguyên thiên nhiên mô lớn.

Câu 4: Ý nào sau đây không phải là kết quả trực tiếp của việc đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị và công nghệ trong công nghiệp?

A. Hạ giá thành sản phẩm. B. Tăng năng suất lao động.

C. Đa dạng hóa sản phẩm. D. Nâng cao chất lượng.

Câu 5: Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt nhằm mục tiêu chủ yếu nào sau đây?

A. Tạo điều kiện để hội nhập vào thị trường thế giới.

B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

C. Khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

D. Tạo thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu lao động.

Câu 6: Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta phát triển chủ yếu dựa vào

A. thị trường tiêu thụ rất rộng lớn. B. cơ sở vật chất kỹ thuật rất tốt.

C. nguồn lao động dồi dào, giá rẻ. D. nguồn nguyên liệu phong phú.

Câu 7: Cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm thành 3 phân ngành là

A. phân bố sản xuất. B. đặc điểm sản xuất.

C. nguồn nguyên liệu. D. công dụng sản phẩm.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây không đúng với khu công nghiệp nước ta?

A. Do chính phủ quyết định thành lập. B. Không có ranh giới địa lí xác định.

C. Không có dân cư sinh sống. D. Chuyên sản xuất công nghiệp.

Câu 9: Vùng nào sau đây dẫn đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp?

A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

Câu 10: Hình thức tổ chức lãnh thổ nào sau đây không được xem tương đương với một khu công nghiệp ?

A. Khu chế xuất. B. Khu công nghệ cao.

C. Khu công nghiệp tập trung. D. Khu kinh tế mở.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích:

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

\* Câu hỏi: Tại sao ở nước ta phổ biến hình thức khu công nghiệp tập trung?

\* Trả lời câu hỏi:

- Câu hỏi:

+ Nước ta đang trong giai đoạn công nghiệp hóa với chiến lược công nghiệp hướng về xuất khẩu, trên cơ sở thu hút vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lí của các nước công nghiệp phát triển, nên đã hình thành các khu công nghiệp lập trung.

+ Trên thực tế, các khu công nghiệp tập trung đã và đang thu vốn đầu tư ở trong và ngoài nước, sản xuất nhiều sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu, tạo thêm việc làm và nâng cao chất lượng lao động, mở rộng việc chuyển giao công nghệ tiên tiến, góp phần hình thành các đô thị mới và giảm bớt chênh lệch vùng.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

3.4. Tổng kết chủ đề, củng cố, dặn dò:

a. Tổng kết chủ đề:

- GV nhận xét, đánh giá về việc thực hiện chủ đề: những ưu điểm và hạn chế chủ yếu cần rút kinh nghiệm.

b. Củng cố, dặn dò:

- GV củng cố, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của chủ đề thông qua sơ đồ hóa đã được chuẩn bị sẵn.

3.5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Tìm hiểu vấn đề phát triển giao thông vận tải (đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không và đường ống).